

Thái Nguyên

Biểu 116/CK TC-NSNN

UBND Phường Thịnh Đán

BẢNG CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Ban hành theo Thông tư số: 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của BTC)

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	10.606.822.465	Tổng chi	9.742.878.920
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	309.622.820	I. Chi đầu tư phát triển	400.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.862.560.565	II. Chi thường xuyên	6.284.251.827
III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách xã (nếu có)	3.760.615.787	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (Nếu có)	3.058.627.093
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1.138.318	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.672.884.975		
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.669.802.000		
- Bổ sung có mục tiêu	1.003.082.975		
Kết dư ngân sách	863.943.545		

Ghi chú:(1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phần chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ma Thị Mùi

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

TM. UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Nam

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	9.844.512.068	400.000.000	9.444.512.068	9.742.878.920	400.000.000	9.342.878.920	98,97	100	98,92
A. Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	6.785.884.975	400.000.000	6.385.884.975	6.684.251.827	400.000.000	6.284.251.827	98,5	100	98,41
I. Chi đầu tư phát triển									
1. Chi đầu tư XD CB	400.000.000	400.000.000							
2. Chi đầu tư phát triển khác									
II. Chi thường xuyên	6.385.884.975		6.385.884.975	6.684.251.827	400.000.000	6.284.251.827	104,67		98,41
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	828.228.000		828.228.000	822.510.863		822.510.863	99,31		99,31
- Chi dân quân tự vệ	460.517.000		460.517.000	458.410.623		458.410.623	99,54		99,54
- Chi trật tự an toàn xã hội	367.711.000		367.711.000	364.100.240		364.100.240	99,02		99,02
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	90.000.000		90.000.000	90.000.000		90.000.000	100		100
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	24.997.400		24.997.400	99,99		99,99
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	9.900.000		9.900.000	9.899.863		9.899.863	100		100
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	9.900.000		9.900.000	9.899.863		9.899.863	100		100
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.103.541.975		5.103.541.975	5.434.655.351	400.000.000	5.034.655.351	106,49		98,65
Trong đó: Quỹ lương				3.761.736.828		3.761.736.828			
10.1. Ủy ban nhân dân	3.138.223.975		3.138.223.975	3.526.659.149	400.000.000	3.126.659.149	112,38		99,63
10.2. Hội đồng nhân dân	354.170.000		354.170.000	299.394.976		299.394.976	84,53		84,53
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	783.052.000		783.052.000	782.197.541		782.197.541	99,89		99,89

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	24.524.224.080	10.759.224.080	31.564.816.581	10.606.822.465	128,71	98,58
I. Các khoản thu 100%	75.000.000	75.000.000	309.622.820	309.622.820	412,83	412,83
- Phí, lệ phí	65.000.000	65.000.000	44.121.000	44.121.000	67,88	67,88
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường từ quỹ đất công ích						
- Thu tiền cho thuê lòng lề đường, bến bãi			12.170.000	12.170.000		
- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước						
- Thu tiền phí hoạt động sự nghiệp						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			2.790.000	2.790.000		
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	250.541.820	250.541.820	2.505,42	2.505,42
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.340.000.000	1.575.000.000	22.820.554.681	1.862.560.565	148,77	118,26
1. Các khoản thu phân chia	8.290.000.000	955.000.000	9.670.865.330	1.079.856.928	116,66	113,07
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450.000.000	45.000.000	539.884.127	53.988.762	119,97	119,98
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	140.000.000	140.000.000	125.300.000	125.300.000	89,5	89,5
- Lệ phí trước bạ nhà, đất, xe máy, xe ô tô	7.700.000.000	770.000.000	9.005.681.203	900.568.166	116,96	116,96
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.050.000.000	620.000.000	13.149.689.351	782.703.637	186,52	126,24
- Thuế TNDN						
- Thuế giá trị gia tăng	1.700.000.000	170.000.000	1.191.043.739	119.104.437	70,06	70,06
- Thuế TNCN từ đất	4.500.000.000	450.000.000	6.635.991.805	663.599.200	147,47	147,47
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	850.000.000		558.356.143		65,69	
- Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản			65.480.000			
- Thu phạt nộp chậm			17.977.664			
- Thu tiền sử dụng đất được nhà nước giao			4.680.840.000			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	3.760.615.787	3.760.615.787	3.760.615.787	3.760.615.787	100	100
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	1.138.318	1.138.318	1.138.318	1.138.318	100	100
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.347.469.975	5.347.469.975	4.672.884.975	4.672.884.975	87,38	87,38
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.344.387.000	4.344.387.000	3.669.802.000	3.669.802.000	84,47	84,47
- Bổ sung có mục tiêu	1.003.082.975	1.003.082.975	1.003.082.975	1.003.082.975	100	100

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

[Signature]

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

[Signature]

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	328.004.000		328.004.000	327.609.676		327.609.676	99,88		99,88
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	147.120.000		147.120.000	147.047.495		147.047.495	99,95		99,95
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	99.580.000		99.580.000	99.413.651		99.413.651	99,83		99,83
10.7. Hội Cựu chiến binh	95.400.000		95.400.000	95.365.650		95.365.650	99,96		99,96
10.8. Hội Nông dân	90.300.000		90.300.000	90.274.813		90.274.813	99,97		99,97
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.496.000		24.496.000	24.495.600		24.495.600	100		100
10.10. Hội Người cao tuổi	27.104.000		27.104.000	26.104.800		26.104.800	96,31		96,31
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	16.092.000		16.092.000	100		100
11. Chi cho công tác xã hội	219.283.000		219.283.000	198.481.750		198.481.750	90,51		90,51
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	60.283.000		60.283.000	59.481.750		59.481.750	98,67		98,67
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Chi trợ cấp xã hội, người có công	159.000.000		159.000.000	139.000.000		139.000.000	87,42		87,42
12. Chi khác	109.932.000		109.932.000	103.706.600		103.706.600	94,34		94,34
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	3.058.627.093		3.058.627.093	3.058.627.093		3.058.627.093	100		100
B. Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc									
1. Tạm ứng XDCB									
2. Tạm chi									

Ngày tháng năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)







TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 104/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của UBND phường Thịnh Đán)



Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng quỹ toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12	Giá trị đã thanh toán năm				Đơn vị tính: đồng	
		Tổng số	Trong đó: Nguồn ĐG		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn NSTP	Nguồn NSX		Nguồn đóng góp
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	
Xây Nhà kho UBND phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Hạng mục : Xây nhà kho.	7/2022-12/2022	478.396.077		436.379.418	400.000.000			400.000.000		
Cộng		478.396.077		436.379.418	400.000.000			400.000.000		

BIÊN BẢN
V/v niêm yết công khai số liệu Quyết toán Ngân sách năm 2022

Hôm nay, vào hồi 9h ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Phòng họp tầng 2 Trụ sở UBND phường Thịnh Đán thành phố Thái Nguyên, tiến hành tổ chức niêm yết công khai số liệu quyết toán Ngân sách năm 2022 theo Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày /12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

I. Thành phần lập biên bản gồm:

- Ông: Nguyễn Hữu Long – Phó BTTTT Đảng ủy – Chủ tịch HĐND phường
- Ông: Nguyễn Văn Nam - Phó BT Đảng ủy - Chủ tịch UBND
- Bà: Lưu Thị Thùy Linh - Phó CT HĐND Phường - Chủ tịch Công đoàn
- Bà: Nhữ Thị Thọ - Chủ tịch UBMTTQ phường
- Ông: Nguyễn Văn Trọng – Công chức tài chính – Kế toán
- Bà: Ma Thị Lương – Công chức văn phòng – Thống kê

II. Nội dung

Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

UBND phường Thịnh Đán thực hiện công khai số liệu quyết toán Ngân sách năm 2022

Trong quá trình công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 tại bảng tin (Sảnh trụ sở UBND), UBND phường sẽ tiếp nhận những nội dung phản ánh kiến nghị về số liệu quyết toán Ngân sách năm 2022 của các ngành đoàn thể, các tổ dân phố.

Biên bản kết thúc hồi 10 giờ cùng ngày. Đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.


TM.UBMTTQ PHƯỜNG


Nhữ Thị Thọ

KẾ TOÁN



NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN


Ma Thị Lương

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN




**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THỊNH ĐÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *127*/QĐ-UBND

Thịnh Đán, ngày *26* tháng *7* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
phường Thịnh Đán

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỊNH ĐÁN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện Quyết định số 11365/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020 thành phố Thái Nguyên.

Căn cứ nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 25/07/2023, của Hội đồng nhân dân phường Thịnh Đán về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022, phường Thịnh Đán;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của phường Thịnh Đán

(Theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND, Tài chính – Kế toán và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *lđ*

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Phòng TC KH TP
- Đảng ủy Phường
- HĐND phường
- Các tổ chức đoàn thể
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nam